

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/GQP86/2026

I. Thông tin về tổ chức tư công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0889838588 Fax:

E-mail: giaquynhphat86@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0111428224

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm:** Nước vị lê 10h
- Thành phần:** Nước, đường kính, high fructose corn syrup 55%, chất điều chỉnh độ axit: (E330), chất tạo ngọt: (E 951, E950, E955), chất bảo quản: (E211), chất ổn định (E466), Natri clorua, Kali clorua (E508), hương liệu dùng trong thực phẩm :hương lê.
- Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

Thành phẩm được đựng trong chai nhựa PET, đảm bảo phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thể tích thực: 1.5L/chai, 450ml/chai.

Quy cách đóng gói : - Đối với chai 450ml: Khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/khay chứa 24 chai để rời hoặc cuốn trong 4 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc di chuyển.

- Đối với chai 1,5l: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/ khay chứa 12 chai để rời hoặc cuốn trong 2 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn, hoặc bỏ vào trong quai xách, mỗi quai xách 2 chai hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**



Sản xuất tại: Công ty cổ phần Fuzi Việt Nam địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 43/GCNATTP-SCT

Ngày cấp: 13/08/2023

Nơi cấp: Sở Công thương Hà Nội

Hợp đồng Gia công Số 0805/2026-HĐGC-GQP86-FZ giữa CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12828:2019- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
6	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
9	Hàm lượng Pb	mg/L	0.05
10	Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm Chất xơ)	g/100ml	2,28
11	Hàm lượng chất béo	g/100ml	0
12	Hàm lượng chất đạm	g/100ml	0
13	Hàm lượng đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Suctose, Maltose, Lactose)	g/100ml	1,6
14	Năng lượng (tính từ chất đạm, chất béo và Carbonhydrat, không bao gồm chất xơ)	kcal/100ml	9,12
15	Hàm lượng Natri	mg/100ml	17,6

28224-1
CÔNG TY
NH
PH
86
PHỐ HP

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lều Hữu Diện





Số: 44175/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước vị lê 10h
2. Mã số mẫu: 05268938/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86
Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 27/05/2026 - 15/06/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 1,5 L/chai.
Số lượng: 2. NSX: 27/04/2026 - HSD: 27/04/2027
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>C. perfringens</i>	TCVN 4991:2005	CFU/mL	< 1
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/mL	< 1
9.3*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	CFU/mL	< 1
9.5*	<i>S. aureus</i>	ISO 6888-1:2021	CFU/mL	< 1
9.6*	<i>Streptococci faecal</i>	TCVN 6189-2:2009	CFU/mL	< 1
9.7*	Tổng số Nấm men - nấm mốc	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	< 1
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	< 1
9.9*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100 mL	2,28
9.10*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100 mL	KPH (LOD: 0,01)
9.11*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100 mL	KPH (LOD: 0,01)
9.12*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100 mL	1,60
9.13	Năng lượng	NIFC.02.M.06	kcal/100 mL	9,12
9.14*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.15*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (Ref. AOAC 2011.14)	mg/100 mL	17,6

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025; (a) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

10.2. (-) Không áp dụng.

10.3. KPH - Không phát hiện; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử; POD - Khả năng phát hiện.

10.4. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là $< 1 \text{ CFU/mL}$ (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc $< 10 \text{ CFU/g}$ (với LOD: 10 CFU/g).

Kết quả định lượng được biểu thị là $0 < x < 4 \text{ CFU/mL}$ hoặc $0 < x < 40 \text{ CFU/g}$ với "x" là kết quả định lượng vi sinh vật nằm trong khoảng từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 4 CFU/mL hoặc từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 40 CFU/g .

10.5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

10.6. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.

10.7. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA
TS. Vũ Thị Trang

VILAS 203



PEAR FRUIT

PEAR JUICE



Thanh Mát

COOL AND REFRESHING

The tích thực: 1,51



PEAR JUICE



Thanh Mát

COOL AND REFRESHING

Thể tích thực: 1,5l

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Đúng để ở đây mà đẹp sao với môi trường
nên vào giờ này là anh em và ông anh

BAO QUAN

MSX & MSX

San Pedro de

COMO 17 INH GIÀ QUYNH PHAT B3

DATE: 10/10/1964

56 TCB 0300766-2720



500 x 100 mm

CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

Đoàn Văn Công Nghĩa và Đoàn Phương
Xà Hòn Vết Thuyền Phố Hà Nội Việt Nam

1875

THÀNH PHẦN:

Nước khoáng tự nhiên 55%, chất dầu (E330) chiết từ quả (E951) E950 (E955) chất tạo ngọt (E211) chất béo (E461) Natri citrat, kali citrat (E508) hương liệu tổng hợp.

Hương liệu

Được quét bằng CamScanner



Nước

Lê

vi

PEAR JUICE



Thanh Mát

COOL AND REFRESHING

Thể tích thực: 450ml



Nước

Lê

vi

PEAR JUICE



Thanh Mát

COOL AND REFRESHING

Thể tích thực: 450ml

THÀNH PHẦN

Nước đường kim, high fructose corn syrup, chất béo, axit ascorbic (E300), axit citric (E330), chất tạo ngọt (E951), hương thơm tự nhiên của lê (pear), hương thơm của lê (pear), hương thơm của lê (pear).

THÔNG TIN DƯỠNG	
Tên chỉ tiêu	Đơn vị
Calorimetry	g/100ml
Chất béo	g/100ml
Chất đạm	g/100ml
Đường tổng	g/100ml
Năng lượng	Kcal/100ml
Nước	mg/100ml



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Dùng để uống trực tiếp hoặc pha với nước lạnh, thêm đá để tăng hương vị. Không nên dùng trực tiếp.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Nơi khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp.

NSK & HSD

Xuất xứ: Việt Nam

Sản phẩm của

CÔNG TY TNHH GIA QUYNH PHAT 88

Địa chỉ: Tầng 0, Số 48 Phố Kim Mã, Phường

Phường Ngạc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0899 838 888

Số TCE: 03/03/2016/0026



Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Hà Nội, Phường

Xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

*Hàng đến chỉ mang tính chất minh họa



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/GQP86/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0889838588 Fax:

E-mail: giaquynhphat86@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0111428224

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước trà xanh vị chanh 0h
2. Thành phần: Nước, đường kính, chất điều chỉnh độ axit (E330, E331iii), chất tạo ngọt (E951, E950, E955), chất bảo quản (E211), chiết xuất trà, Natriclorua, hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm: hương trà xanh, hương chanh, màu dùng trong thực phẩm caramel 150D.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Thành phẩm được đựng trong chai nhựa PET, đảm bảo phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thể tích thực: 1.5L/chai.

Quy cách đóng gói: Đối với chai 1,5l: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/ khay chứa 12 chai để rời hoặc cuộn trong 2 lớp, mỗi lớp 6 chai được cuộn nylon trong không in nhãn, hoặc bỏ vào trong quai xách, mỗi quai xách 2 chai hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Công ty cổ phần Fuzi Việt Nam địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 43/GCNATTP-SCT



Ngày cấp: 13/08/2023

Nơi cấp: Sở Công thương Hà Nội

Hợp đồng Gia công Số 0805/2026-HDGC-GQP86-FZ giữa CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12828:2019- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
6	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
9	Hàm lượng Pb	mg/L	0.05
10	Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm Chất xơ)	g/100ml	2,17
11	Hàm lượng chất béo	g/100ml	0
12	Hàm lượng chất đạm	g/100ml	0
13	Hàm lượng đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Suctose, Maltose, Lactose)	g/100ml	1,06
14	Năng lượng (tính từ chất đạm, chất béo và Carbonhydrat, không bao gồm chất xơ)	kcal/100ml	8,68
15	Hàm lượng Natri	mg/100ml	21,5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

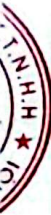
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Diện





Số: 44176/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

- Tên mẫu: Nước trà xanh vị chanh 0h
- Mã số mẫu: 05268938/DV.2
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86
Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu: 27/05/2026
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian kiểm nghiệm: 27/05/2026 - 15/06/2026
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 1,5 L/chai.
Số lượng: 2. NSX: 20/05/2026 - HSD: 20/05/2027
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>C. perfringens</i>	TCVN 4991:2005	CFU/mL	< 1
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/mL	< 1
9.3*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	CFU/mL	< 1
9.5*	<i>S. aureus</i>	ISO 6888-1:2021	CFU/mL	< 1
9.6*	<i>Streptococci faecal</i>	TCVN 6189-2:2009	CFU/mL	< 1
9.7*	Tổng số Nấm men - nấm mốc	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	< 1
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	< 1
9.9*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100 mL	2,17
9.10*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100 mL	KPH (LOD: 0,01)
9.11*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100 mL	KPH (LOD: 0,01)
9.12*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100 mL	1,06
9.13	Năng lượng	NIFC.02.M.06	kcal/100 mL	8,68
9.14*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.15*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (Ref. AOAC 2011.14)	mg/100 mL	21,5

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025; (a) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

10.2. (-) Không áp dụng.

10.3. KPH - Không phát hiện; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử; POD - Khả năng phát hiện.

10.4. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là $< 1 \text{ CFU/mL}$ (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc $< 10 \text{ CFU/g}$ (với LOD: 10 CFU/g);

Kết quả định lượng được biểu thị là $0 < x < 4 \text{ CFU/mL}$ hoặc $0 < x < 40 \text{ CFU/g}$ với "x" là kết quả định lượng vi sinh vật nằm trong khoảng từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 4 CFU/mL hoặc từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 40 CFU/g.

10.5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

10.6. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.

10.7. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA

TS. Vũ Thị Trang

VILAS 203

248.00 mm

320.00 mm

Nước
**TRÀ XANH
VỊ CHANH**

**LEMON
GREEN TEA**

COOL

GREEN TEA

Vị Chanh
tươi

**Trà Xanh
VỊ CHANH**

Thể tích thực: 1.5l

COOL

GREEN TEA

Fresh Lemon
flavour

**Trà Xanh
VỊ CHANH**

Thể tích thực: 1.5l

THÀNH PHẦN GIAO QUẢN PHÁT
Nước, đường kính chất điều
chỉnh độ axit (E330, E331, E332, E333, E334, E335), chất bảo quản (E202), chất xuất trà, hương liệu tổng hợp dùng
trong thực phẩm, hương trà
xanh, hương chanh, màu dùng
trong thực phẩm: caramel 150D.

THÔNG TIN CHAI BÚT			
Tên chai tiêu	Bình vi độ	Loại đóng gói	
Chai tiêu	91100ml	2.17	
Chai tiêu	91100ml	0	
Chai tiêu	91100ml	0	
Chai tiêu	91100ml	1.08	
Chai tiêu	91100ml	8.88	
Chai tiêu	91100ml	2.15	

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để uống trực tiếp, sau khi
mở nắp chai nên bảo quản
trong tủ lạnh và sử dụng hết
trong vòng 48 tiếng.

BẢO QUẢN:

Nơi khô ráo, tránh ánh nắng
trực tiếp.

NSX & HSD:

Xem trên thân chai

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH

GIA QUẢN PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim

Mã Thương, Phường Ngọc Hà,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0869 838 538

Số TCB: 05/GOP/86/2028



81938568239100



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/GQP86/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0889838588 Fax:

E-mail: giaquynhphat86@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0111428224

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước Trà xanh vị chanh 10h

2. Thành phần: Nước, đường kính, high fructose corn syrup 55%, chất điều chỉnh độ axit (E330, E331iii), chất tạo ngọt (E951, E950, E955), chất bảo quản (E211, E202), chiết xuất trà, Natriclorua, hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm : hương trà xanh, hương chanh, màu dùng trong thực phẩm caramel 150D.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Thành phẩm được đựng trong chai nhựa PET, đảm bảo phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thể tích thực: 1.5L/chai, 360ml/chai, 450ml/chai.

Quy cách đóng gói : - Đối với chai 360ml, 450ml: Khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/khay chứa 24 chai để rời hoặc cuốn trong 4 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc di chuyển.

-Đối với chai 1,5l: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/ khay chứa 12 chai để rời hoặc cuốn trong 2 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn, hoặc bỏ vào trong quai xách, mỗi quai xách 2 chai hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



Sản xuất tại: Công ty cổ phần Fuzi Việt Nam địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 43/GCNATTP-SCT

Ngày cấp: 13/08/2023

Nơi cấp: Sở Công thương Hà Nội

Hợp đồng Gia công Số 0805/2026-HĐGC-GQP86-FZ giữa CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12828:2019- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
6	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
9	Hàm lượng Pb	mg/L	0.05
10	Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm Chất xơ)	g/100ml	3,15
11	Hàm lượng chất béo	g/100ml	0
12	Hàm lượng chất đạm	g/100ml	0
13	Hàm lượng đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Suctose, Maltose, Lactose)	g/100ml	2,55
14	Năng lượng (tính từ chất đạm, chất béo và Carbonhydrat, không bao gồm chất xơ)	kcal/100ml	12,6
15	Hàm lượng Natri	mg/100ml	21,4

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Diên





Số: 44177/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước Trà xanh vị chanh 10H
2. Mã số mẫu: 05268938/DV.3
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86
Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 27/05/2026 - 15/06/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 1,5 L/chai.
Số lượng: 2. NSX: 19/05/2026 - HSD: 19/05/2027
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>C. perfringens</i>	TCVN 4991:2005	CFU/mL	< 1
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/mL	< 1
9.3*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	CFU/mL	< 1
9.5*	<i>S. aureus</i>	ISO 6888-1:2021	CFU/mL	< 1
9.6*	<i>Streptococci faecal</i>	TCVN 6189-2:2009	CFU/mL	< 1
9.7*	Tổng số Nấm men - nấm mốc	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	< 1
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	< 1
9.9*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100 mL	3,15
9.10*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100 mL	KPH (LOD: 0,01)
9.11*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100 mL	KPH (LOD: 0,01)
9.12*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100 mL	2,55
9.13	Năng lượng	NIFC.02.M.06	kcal/100 mL	12,6
9.14*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.15*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (Ref. AOAC 2011.14)	mg/100 mL	21,4

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025; (a) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

10.2. (-) Không áp dụng.

10.3. KPH - Không phát hiện; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử; POD - Khả năng phát hiện.

10.4. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là $< 1 \text{ CFU/mL}$ (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc $< 10 \text{ CFU/g}$ (với LOD: 10 CFU/g);

Kết quả định lượng được biểu thị là $0 < x < 4 \text{ CFU/mL}$ hoặc $0 < x < 40 \text{ CFU/g}$ với "x" là kết quả định lượng vi sinh vật nằm trong khoảng từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 4 CFU/mL hoặc từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 40 CFU/g .

10.5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

10.6. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.

10.7. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM



* TS. Vũ Thị Trang

VILAS 203

Nurse

Νικόλ

cool

GREEN TEA

Vi Chanh
tuoi

Đuôi Nhặt Được Sống

Tốt cho sức khỏe
100% TRÀ XANH
THIÊN NHIÊN

Tang cang suu di khong

Nước Trà Xanh VICHANH

Thể tích thực: 1.5l

COOL

GREEN TEA

**Fresh Lemon
flavour**

Tốt cho sức khỏe

100% TRÀ XANH

THIÊN NHIÊN

Tăng cường sức đề kháng

Nước
Trà Xanh
VỊ CHANH

Thể tích thực: 1.5l

Nước dùng nấu chín (nước dùng) có
nhóm 55%, chất béo (mỡ) và chất béo
E391 (m), chất béo (m) E851, E950,
E955, chất béo (m) E971, E972, chất
béo. A. Nấm (nấm) (nấm) (nấm)
dùng (nấm) (nấm) (nấm) (nấm)
nấu chín, nấu chín (nấm) (nấm).

caramels 150D

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG		
Tên chất liệu	Đơn vị đo	Mức cung bổ
Carbohydrat	g/100ml	3,15
Chất béo	g/100ml	0
Chất đạm	g/100ml	0
Chất xơ	g/100ml	2,55
Năng lượng	kcal/100ml	12,6
Natri	mg/100ml	21,4

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để uống trực tiếp, sau khi mở nắp chai nên bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng hết trong vòng 48 tiếng.

BẢO QUẢN:

Nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp.

NSX & HSD: Xem trên thân chai

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH

GIA QUÝNH PHAT 66

Địa chỉ: Tầng 9, Số 49 Phố Kinh Mã

Thượng. Phùng Khắc H. Thành

ph5 HA Inc. 11/11/11

Điện thoại: 020 506 506

56700 06/20/88/2026

10



100

100

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525

847165218058568

10

20

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
84

1

[illegible]

Nude
LEMON
GREEN TEA

Qua

Tr
Tan chi shu
Cauchy's
Chai tao
Chai san
Chai shu

Được

**Fresh Lemon
flavour**

Song

Tốt cho sức khỏe

**100% TRÀ XANH
THIÊN NHIÊN**

Yang et al. / *Use of the Internet for Health Information* 101

Nước
Trà Xanh
VICHANH

The rich thyme: 450ml

Tốt cho sức khỏe

**100% TRÀ XANH
THIÊN NHIÊN**

Business in your business today!

Trà Xanh
VỊ CHANH

The tich thuc: 450ml

nước được
 syrup 55% (w/v)
 150D

THÔNG TIN ĐƠN L		
Tên chi tiết	Đơn vị đo	Số lượng đã
Concentrate	g/100ml	0.19
Chai lọ	g/100ml	3
Chai tam	g/100ml	0
Chai tam	g/100ml	2.55
Chai tam	g/100ml	12.6
Chai tam	g/100ml	21.4

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để uống trực tiếp, sau khi mở nắp chai nên bảo quản tủ lạnh và sử dụng hết trong vòng 48 tiếng.

BẢO QUẢN:

Nơi khó rào, tránh ánh nắng trực tiếp
NSX & HSD:

om trên nhàn ch

Sản phẩm của

CONG TY TNHH

GIÀ QUYNH PHAT

D/la chit'ang 9. So'la'ng kom'la'

Thượng. Phương. 1.

phở Hà Nội

Điện thoại: 0210 381 1111
Số TCS: 0000000000



81193856812391681

2.

1

11

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10



8 958568 239 1 48

三

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/GQP86/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0889838588 Fax:

E-mail: giaquynhphat86@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0111428224

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước tăng lực 10h

2. Thành phần: Nước, đường kính, High fructose corn syrup 55%, chất điều chỉnh độ axit (E330, E331iii), chất tạo ngọt (E950, E951, E955), chất bảo quản (E211), chất ổn định (E452i), màu dùng trong thực phẩm (E110, E102), Taurin, cafein, hương trái cây tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Thành phẩm được đựng trong chai nhựa PET, đảm bảo phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thể tích thực: 1.5L/chai, 350ml/chai.

Quy cách đóng gói : - Đối với chai 350ml: Khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/khay chứa 24 chai để rời hoặc cuốn trong 4 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc di chuyển.

- Đối với chai 1,5l: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/ khay chứa 12 chai để rời hoặc cuốn trong 2 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn, hoặc bỏ vào trong quai xách, mỗi quai xách 2 chai hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



Sản xuất tại: Công ty cổ phần Fuzi Việt Nam địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 43/GCNATTP-SCT

Ngày cấp: 13/08/2023

Nơi cấp: Sở Công thương Hà Nội

Hợp đồng Gia công Số 0805/2026-HĐGC-GQP86-FZ giữa CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12828:2019- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
6	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
9	Hàm lượng Pb	mg/L	0.05
10	Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm Chất xơ)	g/100ml	3,96
11	Hàm lượng Cafein	mg/100ml	19,1
12	Hàm lượng chất béo	g/100ml	0
13	Hàm lượng chất đạm	g/100ml	0,126
14	Hàm lượng đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Suctose, Maltose, Lactose)	g/100ml	3,02
15	Năng lượng (tính từ chất đạm, chất béo và Carbonhydrat, không bao gồm chất xơ)	kcal/100ml	15,8
16	Hàm lượng Natri	mg/100ml	83,3

Được quét bằng CamScanner



Số: 44178/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước tăng lực 10h
2. Mã số mẫu: 05268938/DV.4
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86
Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 27/05/2026 - 15/06/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 350 mL/chai.
Số lượng: 2. NSX: 09/05/2026 - HSD: 09/05/2027
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>C. perfringens</i>	TCVN 4991:2005	CFU/mL	< 1
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/mL	< 1
9.3*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	CFU/mL	< 1
9.5*	<i>S. aureus</i>	ISO 6888-1:2021	CFU/mL	< 1
9.6*	<i>Streptococci faecal</i>	TCVN 6189-2:2009	CFU/mL	< 1
9.7*	Tổng số Nấm men - nấm mốc	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	< 1
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	< 1
9.9*	Hàm lượng Cafein	NIFC.02.M.27 (HPLC)	mg/100 mL	19,1
9.10*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100 mL	3,96
9.11*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100 mL	KPH (LOD: 0,01)
9.12*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100 mL	0,126
9.13*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100 mL	3,02
9.14	Năng lượng	NIFC.02.M.06	kcal/100 mL	15,8
9.15*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.16*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (Ref. AOAC 2011.14)	mg/100 mL	83,3

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025; (a) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

10.2. (-) Không áp dụng.

10.3. KPH - Không phát hiện; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử; POD - Khả năng phát hiện.

10.4. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là $< 1 \text{ CFU/mL}$ (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc $< 10 \text{ CFU/g}$ (với LOD: 10 CFU/g);

Kết quả định lượng được biểu thị là $0 < x < 4 \text{ CFU/mL}$ hoặc $0 < x < 40 \text{ CFU/g}$ với "x" là kết quả định lượng vi sinh vật nằm trong khoảng từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 4 CFU/mL hoặc từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 40 CFU/g .

10.5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

10.6. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.

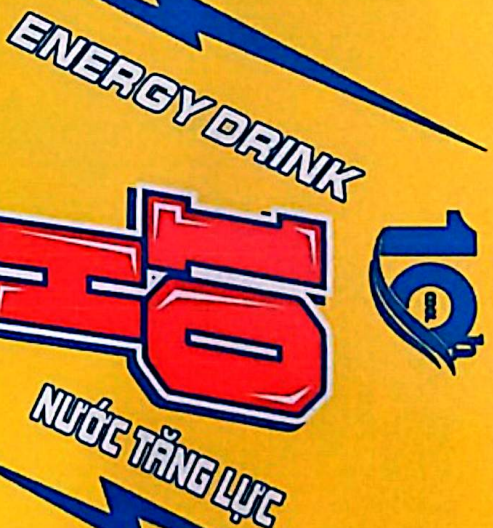
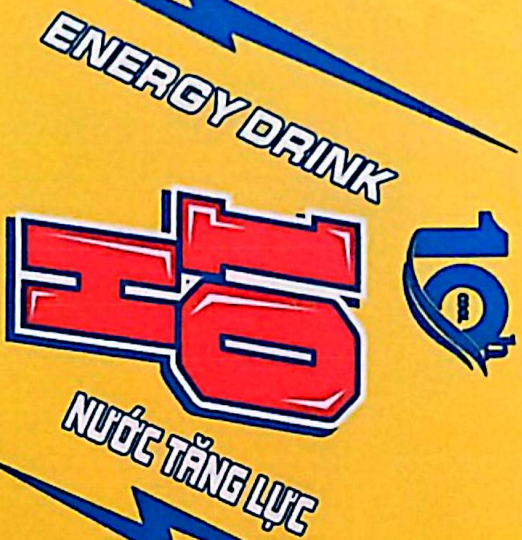
10.7. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA
*TS. Vũ Thị Trang

VILAS 203



THÀNH PHẦN:

Nước, đường kính, high fructose corn syrup 55%, chất điều chỉnh độ axit (E330, E331 iii), chất tạo ngọt (E950, E951, E955), chất bảo quản (E211), chất ổn định (E320, E102), màu dùng trong thực phẩm (E120, E102), Natri clorua, Taurin, caffeine, hương trái cây tổng hợp.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Tên chỉ tiêu	Đơn vị đo	Mức công bố
Carbohydrat	g/100ml	26
Chất béo	g/100ml	0,126
Chất đạm	g/100ml	3,02
Đường tổng	g/100ml	15,8
Năng lượng	Kcal/100ml	83,3
Natri	mg/100ml	19,1
Calcium	mg/100ml	19,1

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để uống trực tiếp, sau khi mở nắp chai nên bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng hết trong vòng 48 tiếng.

BẢO QUẢN:

Nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp.

NSX & HSD:

Xem trên nhãn chai.

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH GIA QUYNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim Mã

Thượng, Phường Ngọc Hà, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0889 838 588

Số TCB: 12/GCP86/2026

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Hà Bình Phương,

Xã Hoàng Văn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam



893856812393601



NƯỚC TĂNG LỰC
VỊ NGUYÊN BẢN THÁI LAN

NƯỚC TĂNG LỰC
VỊ NGUYÊN BẢN THÁI LAN

**"Sảng khoái tinh thần
đập tan uể oải"**

**"Sảng khoái tinh thần
đập tan uể oải"**

จิตใจสดชื่นและขจัดอาการง่วงนอน

จิตใจสดชื่นและขจัดอาการง่วงนอน

NƯỚC TĂNG LỰC

NƯỚC TĂNG LỰC

เครื่องดื่มชูกำลัง

Thể tích thực: 1.5 Lit

ปริมาณจริง: 1.5 ลิตร

เครื่องดื่มชูกำลัง

Thể tích thực: 1.5 Lit

ปริมาณจริง: 1.5 ลิตร



ENERGY DRINK

10

NƯỚC TĂNG LỰC

NƯỚC TĂNG LỰC
VỊ NGUYÊN BẢN THÁI LAN

NƯỚC TĂNG LỰC
VỊ NGUYÊN BẢN THÁI LAN

"Sảng khoái tinh thần
đập loạn bề ngoài"

"Sảng khoái tinh thần
đập loạn bề ngoài"



Thể tích thực: 350ml

ปริมาตรจริง: 350 มิลลิลิตร

Thể tích thực: 350ml

ปริมาตรจริง: 350 มิลลิลิตร

Nước, đường, chất tạo ngọt (Fructose corn syrup 55%, chất điều chỉnh độ axit (E330, E301 iii), chất tạo ngọt (E50, E951, E952), chất bảo quản (E211), chất tạo màu (E452), màu dùng trong thực phẩm (E110, E102), Natri clorua, Taurin, calcium, hương trái cây tổng hợp.

1

THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
Tên chỉ tiêu	Đơn vị đo	Mức công bố
Carbohydrat	g/100ml	3,96
Chất béo	g/100ml	0
Chất đạm	g/100ml	0,126
Đường tổng	g/100ml	3,02
Năng lượng	Kcal/100ml	15,8
Natri	mg/100ml	83,3
Calcium	mg/100ml	19,1

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để uống trực tiếp, sau khi mở nắp chai nên bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng hết trong vòng 48 tiếng.

BẢO QUẢN:

Nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp

NSX & HSD:

Xem trên thân chai

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH GIA QUYNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim Mã

Thượng, Phường Ngọc Hà, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0889 838 588

Số TCB: 12/GOP86/2026

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Hà Bình Phương,

Xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13/GQP86/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0889838588 Fax:

E-mail: giaquynhphat86@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0111428224

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm:** Nước tăng lực vị dâu 10h
- Thành phần:** Nước, đường kính, high fructose corn syrup 55%, chất tạo ngọt (E950, E951, E955), chất bảo quản (E211), chất điều chỉnh độ axit (E330, E331iii, E338), chất ổn định (E452i), natri clorua, màu dùng trong thực phẩm (E129), Taurin, cafein, hương dâu tổng hợp.
- Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
Thành phẩm được đựng trong chai nhựa PET, đảm bảo phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm.
Thể tích thực: 1.5L/chai
Đối với chai 1,5l: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/ khay chứa 12 chai để rời hoặc cuộn trong 2 lớp, mỗi lớp 6 chai được cuộn nylon trong không in nhãn, hoặc bỏ vào trong quai xách, mỗi quai xách 2 chai hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**
Sản xuất tại: Công ty cổ phần Fuzi Việt Nam địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội.
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 43/GCNATTP-SCT



Ngày cấp: 13/08/2023

Nơi cấp: Sở Công thương Hà Nội

Hợp đồng Gia công Số 0805/2026-HDGC-GQP86-FZ giữa CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH
PHÁT 86 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12828:2019- Quy
chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
6	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
9	Hàm lượng Pb	mg/L	0.05
10	Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm Chất xơ)	g/100ml	3,67
11	Hàm lượng Cafein	mg/100ml	19,5
12	Hàm lượng chất béo	g/100ml	0
13	Hàm lượng chất đậm	g/100ml	0,130
14	Hàm lượng đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Suctose, Maltose, Lactose)	g/100ml	3,32
15	Năng lượng (tính từ chất đậm, chất béo và Carbonhydrat, không bao gồm chất xơ)	kcal/100ml	14,7
16	Hàm lượng Natri	mg/100ml	33,2

28224
CÔNG TY
NH
NH
86
PHỐ H

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Diện





Số: 44179/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước tăng lực vị dâu 10h
2. Mã số mẫu: 05268938/DV.5
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86
Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 27/05/2026 - 15/06/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 1,5 L/chai.
Số lượng: 2. NSX: 15/05/2026 - HSD: 15/05/2027
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>C. perfringens</i>	TCVN 4991:2005	CFU/mL	< 1
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/mL	< 1
9.3*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	CFU/mL	< 1
9.5*	<i>S. aureus</i>	ISO 6888-1:2021	CFU/mL	< 1
9.6*	<i>Streptococci faecal</i>	TCVN 6189-2:2009	CFU/mL	< 1
9.7*	Tổng số Nấm men - nấm mốc	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	< 1
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	< 1
9.9*	Hàm lượng Cafein	NIFC.02.M.27 (HPLC)	mg/100 mL	19,5
9.10*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100 mL	3,67
9.11*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100 mL	KPH (LOD: 0,01)
9.12*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100 mL	0,130
9.13*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100 mL	3,32
9.14	Năng lượng	NIFC.02.M.06	kcal/100 mL	14,7



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.15*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)
9.16*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (Ref. AOAC 2011.14)	mg/100 mL	33,2

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025; (a) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý.

10.2. (-) Không áp dụng.

10.3. KPH - Không phát hiện; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử; POD - Khả năng phát hiện.

10.4. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là $< 1 \text{ CFU/mL}$ (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc $< 10 \text{ CFU/g}$ (với LOD: 10 CFU/g);

Kết quả định lượng được biểu thị là $0 < x < 4 \text{ CFU/mL}$ hoặc $0 < x < 40 \text{ CFU/g}$ với "x" là kết quả định lượng vi sinh vật nằm trong khoảng từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 4 CFU/mL hoặc từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn 40 CFU/g.

10.5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

10.6. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.

10.7. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA

★ TS. Vũ Thị Trang

VILAS 203

320mm

314mm



Nước Tăng Lực
Vị Dầu

THÀNH PHẦN:

Nước, đường kính, hợp fructose, citric acid, 55%, chất tạo ngọt (E330, E301, E150), chất bảo quản (E211), chất điều chỉnh độ pH (E330, E301 và E339), chất ổn định (E402), Natri citrat, màu vàng trong thực phẩm (E129), Taurin, caffeine, hương dầu tăng lực.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Tên chất dinh dưỡng	Đơn vị đo	Mức năng lượng
Carbohydrate	g/100ml	3.57
Chất béo	g/100ml	0
Chất đạm	g/100ml	0.13
Hương tổng	g/100ml	3.20
Hương tăng lực	mg/100ml	1.47
Natri	mg/100ml	33.2
Caffeine	mg/100ml	18.5

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để uống trực tiếp, sau khi mở nắp chai, nên bảo quản trong lọ kín và sử dụng hết trong vòng 48 tiếng.

BẢO QUẢN:

Nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp, NSX & HSD: Xem trên nhãn chai.

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH GIA QUYNH PHÁT

Địa chỉ: Tầng 3, Số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0888538588

Số TGD: 1300093622026



Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN FUDA VIỆT NAM

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Hà Bình Phương, Xã Hồng Văn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nước Tăng Lực
Vị Dầu



THE TÍCH THỰC

1,5L

Nước Tăng Lực
Vị Dầu



THE TÍCH THỰC

1,5L

248mm

244mm

2

4

2